

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự toán mua sắm: Bảo đảm trang phục chuyên môn cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện Quân y 7A năm 2025
- Tên gói thầu: Gói thầu TPBV: Bảo đảm trang phục chuyên môn cho cán bộ, nhân viên Bệnh viện Quân y 7A năm 2025
- Địa điểm: Bệnh viện Quân y 7A – Số 466 Nguyễn Trãi, Phường An Đông, Tp.Hồ Chí Minh
- Chủ đầu tư: Bệnh viện Quân y 7A
- Nguồn vốn: Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Bệnh viện Quân y 7A
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 30 ngày
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV/2025
- Loại hợp đồng: Trọn gói
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật:

1.2.1. Yêu cầu chung:

STT	Danh mục hàng hóa		Chất liệu	Quy cách
1	Áo Bác sĩ, Dược sĩ đại học	Áo	Kaki thun màu trắng	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
2	Áo sơ mi trắng	Áo	Kate BamBoo màu trắng	May theo số đo và theo mẫu bệnh viện
3	Quần, áo Điều dưỡng, KTV, Cử nhân, DSTH Nam, Nữ	Quần+Áo+Mũ	Kaki thun màu trắng	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
4	Đầm Điều dưỡng	Đầm+Mũ	Cotton lụa màu trắng	May theo số đo, theo Thông tư

STT	Danh mục hàng hóa		Chất liệu	Quy cách
				45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
5	Quần, áo nhân viên hành chính	Quần+Áo	Áo Kate BamBoo màu xanh Quần : Vải quần tây cao cấp Terjin / cashmere màu xanh đen	May theo số đo và theo mẫu bệnh viện
6	Quần, áo đồng phục cho nhân viên lao động hợp đồng	Quần+Áo	Áo : Kate BamBoo màu xanh Quần : Vải quần tây cao cấp Terjin / cashmere màu xanh đen	May theo số đo và theo mẫu bệnh viện
7	Quần, áo nhân viên kỹ thuật	Quần+Áo	Kaki thun màu xanh biển	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
8	Quần, áo nhân viên nhà ăn	Quần+Áo	Áo : Kate ford màu trắng Quần : Vải quần tây cao cấp Terjin / cashmere màu xanh đen	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
9	Quần, áo Y công	Quần+Áo+Mũ	Kate ford màu xanh hòa bình	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện

STT	Danh mục hàng hóa		Chất liệu	Quy cách
10	Quần, áo Phẫu thuật viên khu KTC	Quần+Áo	Cotton tuyệt màu xanh phòng mổ	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện
11	Bộ vest nhân viên văn phòng khu KTC	Quần+Áo vest+Áo lót trong	Vải Quần tây/Vải vest xanh đen	May theo số đo và theo mẫu bệnh viện
12	Bộ trang phục bảo vệ khu KTC	Quần+Áo+Mũ + sao ve	Áo : Kate Ý màu trắng Quần: Vải quần tây Terjin /cashmere màu xanh đen	May theo số đo, theo Thông tư 45/2015/TT-BYT và theo mẫu bệnh viện

1.2.2. Yêu cầu chất liệu vải:

Loại vải	Yêu cầu
1. Kaki thun màu trắng	<p>Khối lượng vải (g/m^2): 248 ± 2</p> <p>Mật độ vải (sợi / 10cm): Dọc :460 ± 2 Ngang : 333 ± 2</p> <p>Độ dày vải (mm):0.51 ± 0.02</p> <p>Tính kháng nước bề mặt vải (cấp): 1</p> <p>Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở $40^\circ C$: Dọc : -0.8 ± 0.2; Ngang: 0.0 ± 0.2</p> <p>Độ bền màu giặt ở $40^\circ C$ (Cấp) :Phai màu :4-5; Dây màu: 4-5</p> <p>Độ bền màu ma sát (Cấp) : Dọc : 4-5 Ngang 4-5</p> <p>Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) : Dọc $830/S \pm 2$;Ngang : Sợi Filament, không có xoắn.</p> <p>Độ bền kéo đứt (N) : Dọc 1747 ± 2 Ngang 1157 ± 2;</p> <p>Độ giãn đứt (%) : Dọc 32 ± 2 Ngang 62 ± 2 ;</p> <p>Độ bền xé rách (N) : Dọc 78 ± 2 ; Ngang 54 ± 2</p> <p>Độ thoáng khí của vải áp lực 100 Pa(mm/s) : 36 ± 2</p> <p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester : 74 ± 2; Rayon: 23 ± 2 ;Spandex: 3 ± 2</p> <p>Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện</p> <p>Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện.</p>
2.Kate ford màu	<p>Khối lượng vải (g/m^2) : 166 ± 2</p> <p>Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 287 ± 2; Ngang: 270 ± 2</p>

Loại vải	Yêu cầu
xanh hòa bình	<p>Độ dày vải (mm): 0.40 ± 0.02 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) : Dọc 823/S ± 2 Ngang 862/S ± 2 Độ bền kéo đứt (N) : Dọc 950 ± 2 Ngang 860 ± 2; Độ giãn đứt (%) : Dọc 25 ± 2 Ngang 29 ± 2 Độ bền xé rách (N) : Dọc 36 ± 2 ; Ngang 34 ± 2 Tính kháng nước bề mặt vải (Cấp) : 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 40°C : Dọc: -1.7 ± 0.2; Ngang: -1.2 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) : Phai màu :4-5 ; Dây màu: 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 65 ± 2; Cotton: 35 ± 2 Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện.</p>
3.Kate ford màu trắng	<p>Khối lượng vải (g/m^2) : 165 ± 2 Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 287 ± 2; Ngang: 270 ± 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 40°C : Dọc: -0.7 ± 0.2; Ngang: -0.5 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) : Phai màu :4-5 ; Dây màu: 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 65 ± 2 ; Cotton: 35 ± 2 Độ dày vải (mm) : 0.39 ± 0.02 Tính kháng nước bề mặt vải (Cấp) : 1 Độ thoáng khí của vải áp lực 100Pa (mm/s): 125 ± 2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) : Dọc 816/S ± 2 Ngang 782/S ± 2 Độ bền kéo đứt (N) : Dọc 948 ± 2 Ngang 875 ± 2; Độ giãn đứt (%) : Dọc 25 ± 2 Ngang 29 ± 2 Độ bền xé rách (N) : Dọc 41 ± 2 ; Ngang 42 ± 2 Độ bền màu ma sát (cấp) :Dọc: 4-5 Ngang: 4-5 Độ ố vàng (Cấp) : 4-5 Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện</p>
4. Kate Ý màu trắng	<p>Khối lượng vải (g/m^2) : 123 ± 2 Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 450 ± 2; Ngang: 360 ± 2 Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 60°C : Dọc: -0.8 ± 0.2; Ngang: -0.1 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 60°C (Cấp) : Phai màu :4-5 ; Dây màu: 4-5</p>

Loại vải	Yêu cầu
	<p>Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 86 ±2; Rayon 14 ±2 Độ dày vải (mm) : 0.15 ±0.02 Độ bền màu là nóng ở 150°C (Cấp) : Khô: 4-5 ;Ấm: 4-5 ;Ướt :4-5 Độ bền kéo đứt (N) : Dọc 595 ±2 Ngang 671±2 ; Độ giãn đứt (%) : Dọc 18.5 ±0.2 Ngang 26.8 ±0.2 Độ bền đứt đường may (N) : Dọc 423 ±2 Ngang 407 ±2 Độ bền nén thùng(kPa) : 1585 ±2 Tính kháng nước bề mặt vải (cấp) : 1 Giá trị PH : 7 ±0.2 Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện</p>
5. Cotton tuyệt màu xanh phòng mố	<p>Khối lượng vải (g/m²): 255±2 Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc:479±2 Ngang: 391±2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) :Polyester: 77 ±2 Rayon: 18±2 Spandex: 5 ±2 Độ dày vải (mm) : 0.49 ±0.02 Độ bền màu giặt ở 40 °C (cấp) : Phai màu 4-5 Sự thay đổi kích thước sau giặt (%) ở 40 °C :Dọc : -0.5 ±0.2 Ngang : -0.5 ±0.2 Độ bền kéo đứt (N): Dọc 937±2; Ngang 1618±2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m): Dọc 938±2 Giá trị pH: 6.5±0.2 Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện</p>
6. Cotton lụa màu trắng	<p>Khối lượng vải (g/m²): 275±2 Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc:489±2 Ngang: 418±2 Định tính/định lượng nguyên liệu (%) :Polyester: 79 ±2 Rayon: 15±2 Spandex: 6 ±2 Độ dày vải (mm) :0.50 ±0.02 Độ bền màu giặt ở 40 °C (cấp) : Phai màu 4-5 Dây màu 4-5 Hàm lượng Formaldehyde : Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện</p>
7. Kate Bamboo	<p>Khối lượng vải (g/m²): 160±2 Mật độ vải (sợi/10cm): Dọc: 683 ±2 Ngang: 410±2 Định tính và định lượng nguyên liệu (%) :Polyester: 45</p>

Loại vải	Yêu cầu
	<p>±2 ;Rayon: 51±2; Spandex 4±2 Độ bền màu giặt ở 40 °C (cấp) : Phai màu 4-5 Dây màu 4-5 Sự thay đổi kích thước sau giặt (%) ở 40 °C :Dọc : -1.5 ±0.2 Ngang : -0.1 ±0.2 Độ nhỏ sợi tách từ vải (Ne): Dọc 52/1 ±2; Ngang 44/1 ±2 Độ sãn sợi tách ra từ vải (x/m):Dọc 976±2; Ngang 1002±2 Độ bền kéo đứt (N): Dọc 868 ±2; Ngang 355 ±2 Độ ố vàng (Cấp): 4-5 Độ bền màu với chất tẩy NaClo (Cấp):4-5 Độ đều màu (ΔE) : 0.4 ±0.2 Hàm lượng Formaldehyde: Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện</p>
8. Vải quần tây cao cấp Terjin/Cashmere	<p>Khối lượng vải (g/m²) : 248 ±2 Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 307 ±2; Ngang: 241 ±2 Độ dày vải (mm) : 0.45 ±0.02 Sự thay đổi kích thước sau giặt (%) ở 60°C : Dọc: -2.2 ± 0.2; Ngang: -1.2 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) : Phai màu :4-5 Dây màu : 4-5 Định tính /định lượng nguyên liệu (%): Polyester 67±2 ; Rayon : 33 ±2 Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện</p>
9.Kaki thun xanh biển	<p>Khối lượng vải (g/m²) : 255±2 Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 454 ±2; Ngang: 340±2 Độ dày vải (mm) : 0.54 ±0.02 Sự thay đổi kích thước sau giặt (%) ở 60°C : Dọc: -0.6 ± 0.2; Ngang: 0.3 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 40°C (Cấp) : Phai màu :4-5 Dây màu : 4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 74±2 ; Rayon : 23 ±2 Spandex 3 ±2 Ngoại quan sau 01 chu kỳ giặt : Phai màu (cấp): 4-5 ; Độ vón rút (cấp): 4-5 ; Không loang màu. Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện</p>
10.Vải quần tây	<p>Khối lượng vải (g/m²) :212 ±2 Mật độ vải (Sợi/ 10cm) : Dọc: 426 ±2; Ngang: 348 ±2</p>

Loại vải	Yêu cầu
(Vest) Nữ	Kiểu dệt : Hoa nhỏ Sự thay đổi kích thước sau 1 chu kỳ giặt (%) ở 60°C : Dọc: -0.5 ± 0.2 ; Ngang: -0.5 ± 0.2 Độ bền màu giặt ở 60°C (Cấp) : Phai màu :4-5 Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester: 95 ± 2 ; Spandex : 5 ± 2 Độ dày vải (mm) : 0.66 ± 0.02 Độ bền kéo đứt (N) : Dọc 897 ± 2 Ngang 748 ± 2 ; Độ giãn đứt (%) : Dọc 51 ± 2 Ngang 46 ± 2 Độ trượt đường may (N) : Dọc 170 ± 2 Ngang 460 ± 2 Độ sẵn sợi tách ra từ vải (x/m) : Sợi Filament, Không có xoắn Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (D) : Dọc 189 ± 2 ; Ngang 187 ± 2 ; Độ dẫn vải (%): Dọc 26 ± 2 ; Ngang 23 ± 2 Độ phục hồi sau 30 phút (%): Dọc 98 ± 2 ; Ngang 98 ± 2 Độ bền xé rách (N) : Dọc 76 ± 2 ; Ngang 64 ± 2 Tính kháng nước bề mặt vải (cấp) :1 Độ mài mòn (chu kỳ) : >1000 Hàm lượng Formaldehyde (ppm) : Không phát hiện Hàm lượng amin thơm phát sinh từ thuốc nhuộm azo (mg/kg) : Không phát hiện

1.3. Các yêu cầu khác: Không có

Mục 2. Bản vẽ: Không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Bất cứ sản phẩm nào nếu có nghi ngờ chất lượng sản phẩm sẽ được tiến hành thử nghiệm để chứng minh chất lượng. Hàng hóa không đúng chất lượng, nhà thầu có trách nhiệm đổi trả, toàn bộ chi phí kiểm tra, kiểm nghiệm do nhà thầu chi trả.